

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
T PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 29-6 và 02-7-2018
V/v: ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Thủy
Bà Vũ Thúy Hậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Thúy, Cán bộ tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 và ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST-LH ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Văn D, sinh năm 1983 (có mặt)

- Bị đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)

Cùng HKTT và ở tại: phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vũ Văn D trình bày:

Về tình cảm: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn ngày 02/4/2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống với nhau hạnh phúc được 1 năm đầu hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung,

mâu thuẫn giữa vợ anh với bố mẹ chồng, anh chị chồng khiến cuộc sống gia đình anh càng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng anh không ai nói chuyện với nhau, có đánh chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất của vợ chồng anh là 2 năm gần đây. Vợ chồng anh không thể sống chung với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Vũ Đăng M, sinh ngày 4/2/2008 và cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 22/8/2011. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi 1 con chung, cháu nào cũng được, chị T nuôi 1 con chung, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện tại anh đang làm kỹ sư điện tử viễn thông của Công ty cổ phần công nghệ mạng và truyền thông. Tổng thu nhập khoảng 20 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, chị Đăng Thị T trình bày: Chị nhất trí với lời trình bày của anh D về điều kiện kết hôn và thời điểm kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống với nhau hạnh phúc được hơn 1 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc chị có con nhỏ, con hay ốm, vợ chồng không chia sẻ được với nhau. Ngoài ra, chị cũng có mâu thuẫn với gia đình nhà chồng xuất phát từ phía gia đình nhà chồng, mâu thuẫn về quan điểm chăm sóc con cái. Bản thân anh D sống vô tư, không chăm lo cho gia đình, không điều tiết được quan hệ giữa bố mẹ chồng-nàng dâu. Anh D để bố mẹ chồng tác động quá nhiều vào đời sống của vợ chồng. Từ đó, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị càng tăng, thường xuyên chiến tranh lạnh. Vợ chồng chị đã ly thân được gần 1 tháng. Vợ chồng chị không thể sống chung. Chị chỉ ly hôn khi anh D để chị được nuôi cả 2 con chung. Nếu anh D không thay đổi cách sống, chị cũng sống ly thân với anh D.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Vũ Đăng M, sinh ngày 4/2/2008 và cháu Vũ Đăng K, sinh ngày 22/8/2011. Khi ly hôn chị muốn nuôi cả 2 con. Về cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, chị đang làm quản lý hành chính tại Công ty Honda, tổng thu nhập là 30 triệu đồng/tháng. Lý do chị muốn nuôi cả 2 con chung là các con chung đều còn nhỏ, thường xuyên ốm đau, bệnh tật, môi trường sống nhà chồng chị không tốt cho việc nuôi dạy các con chị. Anh D là người vô tâm, mải chơi, không thể chăm sóc tốt các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chính quyền địa phương xác nhận: Anh D và chị T mới chuyển đến sống tại địa bàn phường X từ tháng 11/2016 cho đến nay. Mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng anh D, chị T địa phương không nắm được cụ thể.

Tại phiên tòa: Anh D trình bày: Vợ chồng anh kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị T thường xuyên cáu giận, chiến tranh lạnh kéo dài. Mặt khác, chị T có cư xử không đúng mực với gia đình nhà chồng dẫn đến tình cảm giữa chị T với gia đình chồng không tốt. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm với vợ và anh xin được ly hôn chị T. Về con chung anh đề nghị mỗi người nuôi một cháu, anh nhận nuôi cháu bé vì cháu lớn học lớp 5 đã biết suy nghĩ, cháu có thể tự vệ sinh cá nhân và tự giác học tập như thế thì không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết; Chị T trình bày: Chị và anh T yêu nhau được 8 năm thì cưới, chị rất hiểu anh D. Sau khi cưới chị và anh D sống hạnh phúc. Tuy nhiên, khi chị có con thì bố mẹ chồng có đến ở cùng với vợ chồng, mọi sinh hoạt trong gia đình chị đảo lộn, không như chị mong muốn....dẫn đến chị thường xuyên cáu gắt với chồng, có thái độ không đồng ý với cách xử sự của bố chồng và chồng lại không bênh vực chị dẫn đến không khí trong gia đình nặng nề. Tuy nhiên, chị khẳng định chị vẫn còn yêu thương anh D, lời khai tại tòa trước đây là do chị tự ái về việc chồng làm đơn nên chị mới nói là không còn tình cảm vợ chồng. Nay chị nghĩ lại, không đồng ý ly hôn với anh D và mong Hội đồng xét xử cho chị cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Vấn đề con chung sẽ không đặt ra vì chị không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng tố tụng dân sự; các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa. Về nội dung vụ án: Anh D và chị T kết hôn hợp pháp và trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng phần lớn là do quan hệ giữa bố mẹ chồng và con dâu không tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Vũ Văn D và chị Đặng Thị T kết hôn ngày 02/4/2007, có đăng ký kết hôn (số 62, quyển số 01) tại UBND phường H, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và hiện

có đăng ký nhân khẩu thường trú tại phường X, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ngày 18/01/2018, anh D có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với chị T. Yêu cầu của anh D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Xét hôn nhân của anh D và chị T là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt gia đình. Cụ thể sau khi sinh con, nuôi con, vợ chồng phải đối mặt với những khó khăn vất vả về việc chăm sóc sức khỏe của con, thu xếp việc gia đình dẫn đến có áp lực. Mặt khác, chị T chưa chuẩn bị tâm lý tốt để sinh hoạt cùng một mái nhà với bố mẹ chồng nên phát sinh mâu thuẫn giữa chị T với bố mẹ chồng. Anh D lại không điều tiết được mối quan hệ giữa bố mẹ mình và vợ dẫn đến tâm lý không thoải mái. Vợ chồng anh chị tuy sống cùng một nhà nhưng chưa tìm ra được giải pháp tháo gỡ mâu thuẫn dẫn đến không ai nói chuyện với ai, không khí gia đình nặng nề. Tại phiên tòa, anh D vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T còn chị T nhận thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm với nhau, vẫn yêu thương nhau và tha thiết đề nghị Hội đồng xét xử cho chị một cơ hội để vợ chồng chị đoàn tụ nuôi dạy con chung cho tốt. Anh D xin ly hôn nhưng không đưa ra được chứng cứ về việc mâu thuẫn của vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Thực tế, chị T và anh D vẫn còn tình cảm thương yêu và quan tâm tới nhau, vẫn giúp đỡ lẫn nhau trong công việc gia đình cũng như chăm sóc con chung. Không có vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và cuộc hôn nhân không bị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vẫn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân đạt được. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D và không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung của anh D và chị T.

Về án phí: anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 238; 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật án, lệ phí Tòa án;

Xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Văn D xin ly hôn với chị Đặng Thị T.

2. Về án phí: Anh Vũ Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai số 05838 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

3. Án xử công khai, sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKS Bắc Từ Liêm, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án Bắc Từ Liêm;
- UBND Tx Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Nga